**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN**

**THÁNG 4/2024**

**\*\*\***

**I. HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

**1. Câu chuyện về Bác “Miền Nam ở trong trái tim tôi”**

Suốt đời mình, Hồ Chủ tịch kiên quyết đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc, thống nhất của Tổ quốc. Đối với miền Nam, tình cảm của Bác vô cùng thắm thiết. Bác nói: “Miền Nam ở trong trái tim tôi”, “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”. Chưa giải phóng được miền Nam, Bác tự coi là nhiệm vụ làm chưa tròn, cho nên Người đã nói với Quốc hội khi Quốc hội có ý định trao huân chương Sao Vàng cho Người: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi huân chương cao quý đó”.

Những năm miền Nam chiến đấu chống Mỹ ác liệt, Bác đã có ý định vào miền Nam “để thăm đồng chí, đồng bào” và yêu cầu tổ chức để Bác đi. Bác nêu vấn đề một cách rất kiên quyết. Thấy Bác tuổi đã cao, sức khoẻ không còn được như trước, các đồng chí Bộ Chính trị đề nghị xin cố gắng cùng toàn dân đánh Mỹ mau thắng rồi mời Bác vào. Bác nói: “Tôi muốn vào là vào lúc này, chứ thắng rồi mới vào thì nói làm gì?”

Lâu lâu Bác lại nhắc lại vấn đề và hỏi việc chuẩn bị đến đâu rồi. Thấy Bác rất quyết tâm, các đồng chí phụ trách đành phải báo cáo đường đi rất khó khăn, vất vả, Bác đi không được. Bác nói: “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít. Chưa chắc thua các chú đâu”.

Trong những năm cuối, tuy yếu mệt nhưng Bác vẫn tập đi bộ, tập leo dốc và nhiều khi leo những dốc khá cao. Các đồng chí đều can ngăn, nhưng Bác cứ leo. Bác muốn xem sức mình hiện nay thế nào và vẫn quyết rèn luyện để thực hiện ý định “vào miền Nam với đồng bào, đồng chí”.

Từ năm 1968 trở đi, Bác yếu nhiều hơn. Bác yêu cầu: Hễ có đồng chí miền Nam nào ra thì phải cho Bác biết và đưa vào gặp Bác. Vì vậy, rất nhiều cán bộ, chiến sĩ miền Nam ra Bắc đã được vào thăm Bác, đặc biệt là các chị và các cháu. Mỗi lần gặp, Bác đều hỏi tình hình rất tỉ mỉ và Bác rất vui.

***\* Ý nghĩa câu chuyện:***

Câu chuyện thể hiện tấm lòng nhân ái, bao la, tình thương yêu vô bờ bến của Bác đối với các chiến sĩ, đồng bào miền Nam, luôn nghĩ về mọi người, hết lòng vì cuộc sống của mọi người. Tâm tư, tình cảm của Bác Hồ với miền Nam về độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

***\* Bài học kinh nghiệm:***

Đoàn viên, thanh niên phải rèn luyện đạo đức cách mạng, người cách mạng thì phải có đạo đức nếu có tài giỏi đến đâu mà không có đạo đức cũng không lãnh đạo được nhân dân cho nên việc học tập đạo đức Hồ Chí Minh là một công việc cần thiết là tấm gương sáng, mẫu mực để con cháu noi theo.

Ngày nay, đất nước đang phát triển, đời sống vật chất – tinh thần của người dân tuy được nâng lên nhưng mỗi cá nhân đoàn viên thanh niên nói riêng cũng như đồng bào cả nước nói chung cần giữ gìn và phát huy tinh thần yêu nước, bảo vệ vững chắc nên độc lập dân tộc của nước nhà.

***Nguồn: Trang tin điện tử Ban quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***

**2. Nội dung cơ bản, cốt lõi tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập tự do của dân tộc**

**Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hy sinh cả cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống dân tộc, tiếp thu các tư tưởng tiến bộ về quyền độc lập, tự do của dân tộc trên thế giới, Người đã xây dựng nên hệ thống quan điểm về quyền độc lập, tự do của dân tộc phản ánh quy luật tất yếu của cách mạng Việt Nam. Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam làm nên thắng lợi lịch sử của Cách mạng Tháng Tám 1945, mở ra kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc; tiếp đó là thắng lợi vĩ đại trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ vững chắc quyền độc lập, tự do của dân tộc. Bước vào thời kỳ đổi mới đất nước, những tư tưởng đó của Người vẫn tiếp tục là nền tảng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.** Tư tưởng đó được bao quát và thể hiện ở các nội dung cốt lõi sau đây:

Thứ nhất, quyền độc lập, tự do của dân tộc phải thật sự, toàn diện và triệt để

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “Tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc... Hễ một dân tộc đã kiên quyết đứng lên đấu tranh cho tổ quốc họ thì không ai, không lực lượng gì chiến thắng được họ …”. Quan điểm đó của Người khẳng định rằng, quyền độc lập, tự do của các dân tộc là những quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm, là quy luật khách quan của xã hội loài người mà tất cả các dân tộc đều được hưởng. Và công cuộc đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền độc lập, tự do của dân tộc được đánh đổi bằng xương máu thiêng liêng của các thế hệ, của cả dân tộc. Vì vậy, mọi sự xâm phạm liên quan đến quyền độc lập, tự do của dân tộc đều trái với đạo lý và lẽ phải, đều xâm phạm một cách nghiêm trọng quyền thiêng liêng vốn có của các dân tộc. Sinh thời V.I. Lê-nin, trong tác phẩm “Về quyền dân tộc tự quyết” khẳng định rằng: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết”. Điều đó có nghĩa là: “Các dân tộc có quyền độc lập chính trị, có quyền phân lập về mặt chính trị, khỏi các dân tộc áp bức họ”. Như vậy, một quốc gia được xem là độc lập, tự do khi quốc gia dân tộc đó có đầy đủ quyền tự quyết, tự chủ đối với vận mệnh của mình; có quyền lựa chọn con đường phát triển mà không bị lệ thuộc hoặc bị chi phối bởi các dân tộc khác. Trên cơ sở nghiên cứu các cuộc cách mạng tiêu biểu của thế giới đã giúp Hồ Chí Minh rút ra những bài học kinh nghiệm đối với cách mạng Việt Nam rằng: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi…”. Có nghĩa đấu tranh cho quyền độc lập, tự do của dân tộc thì đó phải là độc lập, tự do thực sự, hoàn toàn, triệt để. Người khẳng định: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”; “Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập, “có quốc hội riêng, “chính phủ riêng, “quân đội riêng”, “ngoại giao riêng”, “kinh tế và tài chính riêng”.

Thứ hai,quyền độc lập, tự do của dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc là mục tiêu, lẽ sống, khát vọng của dân tộc Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, mục tiêu và khát vọng đó chỉ thật sự có được khi nó mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc và phồn vinh thật sự cho nhân dân. Sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản đã mở ra một thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Với trí tuệ thiên tài của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy mục tiêu của con đường đấu tranh vì quyền độc lập, tự do của dân tộc là tiến lên chủ nghĩa xã hội, có nghĩa là phải gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Bởi theo Người “chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra rằng, đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc mới chỉ là giai đoạn đầu tiên, là tiền đề, cơ sở vững chắc để tiến lên chủ nghĩa xã hội, để xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Để hiện thực hóa điều đó, Người nhấn mạnh: “Chúng ta phải thực hiện ngay: 1- Làm cho dân có ăn. 2- Làm cho dân có mặc. 3- Làm cho dân có chỗ ở. 4- Làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là bốn điều đó. Đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập”. Và ngược lại, chủ nghĩa xã hội là con đường để củng cố và bảo vệ vững chắc quyền độc lập, tự do của dân tộc; là điều kiện cơ bản và quyết định đối với dân tộc, góp phần tạo ra sức đề kháng có khả năng loại trừ và chống lại mọi âm mưu xâm chiếm đe dọa đến quyền độc lập, tự do của dân tộc.

Thứ ba, quyền độc lập, tự do của dân tộc gắn liền với sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Quyền độc lập, tự do của dân tộc theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải thể hiện trên góc độ là một quốc gia có chủ quyền, có sự thống nhất và toàn vẹn về lãnh thổ. Người khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, ý chí thống nhất Tổ quốc của nhân dân cả nước không bao giờ lay chuyển” và “Đấu tranh cho thống nhất là con đường sống của nhân dân Việt Nam”. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nổ ra và giành thắng lợi, tuy nhiên, quyền độc lập, tự do của dân tộc vừa mới giành lại không bao lâu thì thực dân Pháp tiếp tục mưu đồ xâm lược chúng ta lần thứ hai. Ngay trong Thư gửi đồng bào Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”. Người đã quyết định sang Pháp với mục đích là: “Giải quyết vấn đề Việt Nam độc lập, cùng Trung, Nam, Bắc thống nhất”. Mục đích chuyến đi Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh không gì khác ngoài việc khẳng định sự độc lập và thống nhất của dân tộc Việt Nam. Người lập luận: “Trung, Nam, Bắc đều là đất nước Việt Nam... Nước có Trung, Nam, Bắc, cũng như một nhà có ba anh em. Cũng như nước Pháp có vùng Noócmăngđi, Prôvăngxơ, Bôxơ. Không ai có thể chia rẽ con một nhà, không ai có thể chia rẽ nước Pháp, thì cũng không ai có thể chia rẽ nước Việt Nam ta”. Với ý chí và quyết tâm của toàn dân tộc, cuộc kháng chiến chống thực Pháp của nhân dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang, buộc thực dân Pháp ký Hiệp định Giơnevơ “công nhận chủ quyền, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam”. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, nhận thấy bản chất âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam, một lần nữa Người khẳng định: “Nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, vì nước ta là một khối, không ai chia cắt được... đó là nguyện vọng thiết tha của toàn thể nhân dân ta từ Bắc đến Nam”. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra khốc liệt, tại Đại hội lần thứ III của Đảng năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh: “Đại hội lần này sẽ soi sáng hơn nữa con đường đấu tranh cách mạng của nhân dân ta nhằm hoà bình thống nhất đất nước. Dân tộc ta là một, nước Việt Nam là một. Nhân dân ta nhất định sẽ vượt tất cả mọi khó khăn và thực hiện kỳ được “thống nhất đất nước, Nam Bắc một nhà”. Cho đến cuối đời, trước lúc đi xa, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn bày tỏ một niềm tin và khát vọng rằng: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Thực hiện lời di huấn của Người, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân ta đã tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ đã đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đưa non sông về một mối vào mùa Xuân năm 1975, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, quyền độc lập, tự do của dân tộc phải được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật buộc thế giới phải thừa nhận và tôn trọng

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, những giá trị cao quý về quyền độc lập, tự do của dân tộc chỉ được hiện thực hóa và buộc thế giới phải công nhận và tôn trọng khi nó được thể chế hóa bằng Hiến pháp, pháp luật. Ngay từ rất sớm, trong “bản Yêu sách của nhân dân An Nam gửi đến hội nghị Vécxây”, Người đã yêu cầu thực dân Pháp phải xóa chế độ cai trị bằng sắc lệnh, phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương để ghi nhận những quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam. Trong bài thơ với nhan đề “Việt Nam yêu cầu ca”, Người viết: “Hai xin phép luật sửa sang, Người Tây người Việt hai phương cùng đồng… Bảy xin hiến pháp ban hành, Trăm đều phải có thần linh pháp quyền”. Tuy nhiên, những yêu cầu chính đáng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra đã không được thực dân Pháp chấp nhận, thậm chí chúng còn phủ nhận tất cả những quyền cơ bản của người dân và dân tộc Việt Nam. Từ đó Người hiểu được rằng, việc xây dựng và ban hành một bản Hiến pháp để bảo đảm quyền lợi của dân tộc và của người dân là cần thiết và chỉ có thể thực hiện được khi đất nước giành được quyền độc lập, tự do và người dân được làm chủ vận mệnh của dân tộc mình. Khi đó, Hiến pháp sẽ là văn kiện pháp lý quan trọng để ghi nhận các quyền cơ bản của dân tộc trong các hoạt động đối nội và đối ngoại, buộc cộng đồng quốc tế phải công nhận và tôn trọng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do cho dân tộc. Trên cơ sở thực tế và pháp lý bền vững đã được nêu lên trong các bản Tuyên ngôn độc lập của nước Pháp và nước Mỹ, bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 đã khẳng định một cách dứt khoát quyền độc lập, tự do chính đáng của dân tộc Việt Nam mà không ai có thể chối cãi được. Đây cũng chính là văn kiện pháp lý để khẳng định về quyền độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam; là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam đón quân đồng minh vào giải giáp quân phát xít với tư cách là một nước độc lập, có chủ quyền.

Tiếp đó, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nhiệm vụ xây dựng một bản Hiến pháp dân chủ. Người yêu cầu phải tổ chức sớm cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội, trên cơ sở đó tiến hành soạn thảo Hiến pháp dân chủ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc quyết tâm với tinh thần một người hô vạn người hưởng ứng, tiến hành thành công cuộc Tổng tuyển cử vào ngày 6/1/1946, bầu ra Quốc hội khóa I. Đến ngày 9/11/1946, bản Hiến pháp 1946 chính thức được Quốc hội nước ta nhất trí thông qua. Bản Hiến pháp 1946 chính là sự thể chế hóa các quyền cơ bản của dân tộc, các quyền tự do dân chủ của người dân, phản ánh rõ rệt thắng lợi của cuộc đấu tranh giành quyền độc lập, tự do của dân tộc. Trong lời nói đầu, Hiến pháp 1946 đã xác định: “Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và xây dựng nước nhà trên nền tảng dân chủ”. Tiếp đó trong Điều 1, Điều 4, Điều 6 và Điều 10 của Hiến pháp ghi rõ: “Đất nước Việt Nam là một khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia”. Với những nội dung cơ bản đó, Hiến pháp 1946 đã “hợp hiến hóa” những quyền cơ bản của dân tộc, bảo đảm cho dân tộc Việt Nam thực hiện các hoạt động đối nội và đối ngoại với tư cách là một nước độc lập, có chủ quyền và đầy đủ các quyền dân tộc tự quyết buộc thế giới phải công nhận và tôn trọng.

Thứ năm, đấu tranh vì quyền độc lập, tự do của dân tộc mình, đồng thời tôn trọng quyền độc lập, tự do của dân tộc khác

Là một người dân yêu nước, cũng là một chiến sĩ cộng sản chân chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình, mà còn có trách nhiệm đấu tranh cho độc lập, tự do của tất cả các dân tộc bị áp bức khác, góp phần vào thắng lợi chung của phong trào cách mạng thế giới. Người sớm nhận thấy âm mưu của chủ nghĩa đế quốc là tìm mọi cách chia rẽ dân tộc nhằm tạo sự biệt lập, gây ra thói thù ghét dân tộc, sự bất bình đẳng, từ đó làm suy yếu phong trào đấu tranh giành quyền độc lập, tự do ở các dân tộc thuộc địa. Vì vậy, tất cả các dân tộc phải có trách nhiệm và bình đẳng với nhau trong công cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung với tinh thần giúp bạn là tự giúp mình. Để đạt được mục tiêu chung, Người nói, cần phải “làm cho các dân tộc thuộc địa, từ trước đến nay vẫn cách biệt nhau, hiểu biết nhau hơn và đoàn kết lại để đặt cơ sở cho một Liên minh phương Đông tương lai, khối liên minh này sẽ là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản”. Cũng chính quan điểm này của Người đã góp phần đưa dân tộc Việt Nam hòa chung nhịp đập với các dân tộc thuộc địa trên thế giới trong phong trào đấu tranh vì quyền độc lập, tự do.

Kể từ khi tìm thấy con đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tích cực hoạt động và tổ chức các hội thuộc địa, như “Hội liên hiệp thuộc địa” ở Pháp, “Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức” ở Trung Quốc; xuất bản báo “Người cùng khổ”… để tìm cách tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào các dân tộc thuộc địa, nhằm thức tỉnh tinh thần dân tộc, giúp họ nhận thấy sức mạnh của mình để đứng lên đấu tranh tự giải phóng. Do đó “chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiệt liệt ủng hộ nhân dân Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Nhật, ủng hộ nhân dân Lào và Campuchia trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược và chủ trương phải bằng thắng lợi của cách mạng mỗi nước mà đóng góp vào thắng lợi chung của cách mạng thế giới. Đồng thời, Người cũng kịch liệt phê phán những tư tưởng dân tộc hẹp hòi chỉ nghĩ cho dân tộc mình mà không nghĩ cho dân tộc khác. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng cho rằng, thực hiện nghĩa vụ quốc tế không có nghĩa là can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp bạn không có nghĩa là làm thay bạn. Điều đó có nghĩa là phải tôn trọng quyền dân tộc tự quyết của tất cả các dân tộc, phải mong muốn các dân tộc có được độc lập, tự do như dân tộc chúng ta; nó cũng không có nghĩa là chúng ta chỉ biết khoanh tay đứng nhìn, mang tư tưởng chủ nghĩa dân tộc vị kỷ hẹp hòi, mà cần tích cực tham gia đấu tranh cùng với phong trào cách mạng thế giới vì mục tiêu chung là độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

***Nguồn: Tạp chí Cộng sản***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***

**B. TRUYỀN THỐNG**

**I. Theo dòng lịch sử**

|  |  |
| --- | --- |
| - Ngày 01/4: | Ngày truyền thống ngành thủy sản |
|  | Ngày thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng |
| - Ngày 07/4: | Ngày sức khỏe thế giới  Ngày thành lập tổ chức Y tế thế giới  Ngày Toàn dân hiến máu tình nguyện |
| - Ngày 12/4: | Ngày Hàng không và Vũ trụ thế giới |
| - Ngày 16/4: | Kỷ niệm 78 năm Ngày Truyền thống ngành Quân Y (16/4/1946 – 16/4/2024) |
| - Ngày 18/4: | Ngày Bảo vệ, chăm sóc người Khuyết tật Việt Nam |
| - Ngày 19/4: | Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam |
| - Ngày 20/4: | Ngày Thương hiệu Việt Nam |
| - Ngày 21/4: | Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam |
| - Ngày 22/4: | Ngày sinh V.I Lênin |
| - Ngày 23/4: | Ngày Sách và Bản quyền thế giới |
| - Ngày 25/4: | Kỷ niệm 48 năm Ngày Tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Việt Nam thống nhất (25/4/1976 – 15/4/2024) |
| - Ngày 26/4: | Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới |
| - Ngày 29/4: | Kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng quần đảo Trường Sa ( 29/4/1975 – 29/4/2024) |
| - Ngày 30/4: | Kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2024) |

**II. Một số ngày truyền thống, kỷ niệm trong tháng**

**1*.* Kỷ niệm 94 năm ngày thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng (01/4/1930 - 01/4/2024)**

Cao Bằng là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử cách mạng và văn hoá. Trải qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, cộng đồng các dân tộc ở Cao Bằng luôn phát huy truyền thống đoàn kết, đấu tranh bảo vệ quê hương, đất nước. Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển, Cao Bằng luôn giữ vị trí chiến lược trọng yếu và là bức phên giậu vững chắc nơi biên cương phía Bắc của Tổ quốc; là vùng đất địa linh nhân kiệt, ghi đậm dấu ấn những trang sử oanh liệt, hào hùng trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc. Trải qua 94 năm xây dựng và phát triển, dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy truyền thống quê hương cách mạng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng đã luôn nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng, nỗ lực cùng cả nước thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

***1.1. Bối cảnh lịch sử ra đời chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên***

*a. Bối cảnh trong nước*

Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, biến nước ta thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Từ đó, các phong trào yêu nước của quần chúng nhân dân chống thực dân Pháp diễn ra mạnh mẽ nhưng đều bị thất bại, xã hội Việt Nam rơi vào khủng hoảng về đường lối cách mạng.

Năm 1917, cách mạng Tháng Mười Nga thành công như một luồng gió mới thổi vào phong trào cách mạng của các nước thuộc địa, mở ra con đường đấu tranh giải phóng cho các dân tộc bị áp bức. Nguyễn Ái Quốc, nhà yêu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam sau nhiều năm bôn ba nước ngoài tìm đường cứu nước, đã đến với Cách mạng Tháng Mười Nga và tìm thấy con đường đấu tranh giải phóng cho dân tộc. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin, đi theo con đường cách mạng vô sản; đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê nin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Người tập trung chuẩn bị về chính trị, tổ chức và cán bộ, thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu, Trung Quốc (năm 1925), mở các lớp huấn luyện về lý luận cách mạng vô sản thu hút nhiều trí thức và thanh niên yêu nước trong nước sang Quảng Châu gia nhập Hội. Từ đó, phong trào cách mạng Việt Nam có những bước phát triển mới.

Năm 1929, ba tổ chức cộng sản đầu tiên (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn) được thành lập đã phản ánh xu thế tất yếu của phong trào đấu tranh cách mạng ở Việt Nam. Song sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia có nguy cơ dẫn đến chia rẽ lớn, phân tán về lực lượng và tổ chức, không thể thống nhất về tư tưởng và hành động. Yêu cầu bức thiết đặt ra là cần phải có một Đảng thống nhất lãnh đạo. Trước tình hình đó, từ ngày 6/1/1930 đến ngày 7/2/1930, Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản họp tại Hồng Kông (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt cho Quốc tế Cộng sản, đại biểu các tổ chức cộng sản của Việt Nam đã thống nhất hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị có ý nghĩa như Đại hội thành lập Đảng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) đã quyết định lấy ngày 3 tháng 2 (dương lịch) hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam là một bước ngoặt vô cùng quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, quyết định sự phát triển của dân tộc, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo của phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX.

*b. Bối cảnh tỉnh Cao Bằng*

Sau khi thực dân Pháp chiếm đóng Cao Bằng (tháng 10/1886), chúng tiến hành khai thác tài nguyên, bóc lột sức lao động của công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác. Dưới sự thống trị tàn bạo của thực dân - phong kiến, từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở Cao Bằng đã diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ, áp bức của thực dân, phong kiến và có sự chuyển hóa từ “tự phát” lên “tự giác”, nhất là trong những năm 1927 – 1928. Giữa lúc đó, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lênin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá vào trong nước, ở Cao Bằng đã xuất hiện các tổ chức yêu nước như Hội đánh Tây, Hội thanh niên phản đế… thu hút nhiều thanh niên yêu nước, tiến bộ tham gia, trong đó nổi bật và có ảnh hưởng hơn cả là Hoàng Đình Giong, một thanh niên dân tộc Tày ở xã Xuân Phách, huyện Hòa An (nay là phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng). Hoàng Đình Giong đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá và trực tiếp tuyên truyền, vận động mở rộng các Hội thanh niên phản đế, tổ chức gây dựng nhiều cơ sở của Hội đánh Tây ở các tổng Tượng Yên, Nhượng Bạn, Hà Đàm (châu Hòa An), sau phát triển lên Hà Quảng, sang Quảng Uyên và các châu khác trong tỉnh. Do yêu cầu, đòi hỏi của cách mạng, năm 1927, Hoàng Đình Giong đã bí mật sang Long Châu (Trung Quốc) bắt liên lạc với Ban lãnh đạo của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và tham dự các lớp huấn luyện của Hội bồi dưỡng về con đường cách mạng, tổ chức giáo dục thanh niên yêu nước làm cách mạng. Đến ngày 19/6/1928, đồng chí Hoàng Đình Giong được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại cơ sở Long Châu và cùng các đồng chí khác ra sức xây dựng cơ sở, tập hợp cán bộ, mở các lớp huấn luyện, tuyên truyền tư tưởng cách mạng.

***1.2. Sự ra đời chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng***

Sau khi tiếp thu con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá, Hoàng Đình Giong với tư cách là người phụ trách Hội ở Long Châu đã ra sức chỉ đạo xây dựng cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chọn cử được nhiều thanh niên người Cao Bằng đã được giác ngộ cách mạng sang Long Châu học tập tại các lớp huấn luyện của Hội rồi lại đưa về Cao Bằng hoạt động. Cuối năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên kết nạp thêm đồng chí Hoàng Văn Nọn (tức Hoàng Như, Hoàng Vĩnh Tuy, Văn Tân, Tú Hưu); năm 1929, kết nạp thêm Lê Đoàn Chu (tức Lê Mới, Nam Cao). Sau khi kết thúc khoá học, nhiều đồng chí đã được cử về Cao Bằng để tuyên truyền vận động, tổ chức các cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Vì vậy, các cơ sở Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở thị xã Cao Bằng và mỏ thiếc Tĩnh Túc đã được tổ chức. Đây là những cơ sở hội đầu tiên tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Cao Bằng.

Tháng 12/1929, các đồng chí Hoàng Đình Giong, Hoàng Văn Nọn, Hoàng Văn Thụ được đồng chí Lê Hồng Sơn, đại diện của Đông Dương Cộng sản Đảng kết nạp vào Đông Dương Cộng sản Đảng và tuyên bố thành lập Chi bộ Hải ngoại Long Châu (Trung Quốc). Đồng chí Hoàng Đình Giong được bầu làm Bí thư Chi bộ. Chi bộ Long Châu có nhiệm vụ “gây dựng và phát triển phong trào quần chúng cách mạng ở vùng biên giới Cao Bằng - Lạng Sơn, hướng dẫn thanh niên yêu nước ra dự những lớp huấn luyện cách mạng ở nước ngoài, đưa đón cán bộ đi hoạt động giữa hai vùng biên giới”. Sau Hội nghị thành lập Đảng (tháng 02/1930), chi bộ Hải ngoại Long Châu do đồng chí Hoàng Đình Giong làm Bí thư, chính thức trở thành Chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam, đầu năm 1930, chi bộ Hải ngoại Long Châu cử đồng chí Hoàng Văn Nọn về Cao Bằng hoạt động để chuẩn bị tiến tới thành lập tổ chức Đảng ở Cao Bằng. Sau một thời gian tiếp tục tuyên truyền, rèn luyện, qua kiểm tra phong trào và thử thách cán bộ, ngày 01/4/1930, đồng chí Hoàng Văn Nọn thay mặt chi bộ Long Châu, kết nạp hai đồng chí Lê Đoàn Chu và Nông Văn Đô (tức Bích Giang, Cát Lợi) vào Đảng, tuyên bố thành lập chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của Cao Bằng tại Nặm Lìn, xã Hoàng Tung, châu Hòa An, do đồng chí Hoàng Văn Nọn làm Bí thư. Chi bộ đã đề ra hai nhiệm vụ hàng đầu là: tích cực phát triển cơ sở Đảng, đặc biệt là ở mỏ thiếc Tĩnh Túc và thị xã Cao Bằng; đẩy mạnh phong trào chống thuế, chống bắt phu ngày mùa, đi phu phải được cấp tiền, gạo...

***1.3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên***

Sự kiện chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng ra đời đã có ý nghĩa to lớn đối với phong trào cách mạng của tỉnh và góp phần quan trọng trong phát triển phong trào cách mạng của cả nước.

- Ngay từ khi mới ra đời, chi bộ đã thực hiện chức năng nhiệm vụ như Tỉnh ủy lâm thời, lãnh đạo phong trào cách mạng trong toàn tỉnh, tạo nên sự thống nhất về tư tưởng chính trị và hành động của phong trào cách mạng của một tỉnh với toàn quốc. Từ đây, nhân dân các dân tộc Cao Bằng vững bước đi lên dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng Cộng sản Việt Nam, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cho tới khi giành được thắng lợi hoàn toàn.

- Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp, là bước ngoặt đánh dấu sự phát triển vượt bậc của phong trào cách mạng trong tỉnh; là thắng lợi rất quan trọng của tư tưởng vô sản trong cuộc đấu tranh với kẻ thù. Đồng thời khẳng định vai trò của những người công sản và hệ tư tưởng Mác - Lênin với phong trào cách mạng ở một tỉnh miền núi dân tộc thiểu số.

- Sự kiện thành lập chi bộ Nặm Lìn - chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Cao Bằng đã tạo nền móng vững chắc cho phong trào cách mạng và sự phát triển thành Đảng bộ Cao Bằng sau này.

- Chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Cao Bằng được thành lập ngày 01/4/1930 là một trong những chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời sớm tại vùng miền núi biên giới phía Đông Bắc của Tổ quốc. Cũng từ Cao Bằng, thực hiện sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, nhiều cán bộ cách mạng của tỉnh đã được Đảng điều về hoạt động gây dựng cơ sở cách mạng, góp phần vào việc thành lập tổ chức Đảng tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***

**2. Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch)**

Lễ hội Đền Hùng còn gọi là Giỗ Tổ Hùng Vương, là một lễ hội lớn nhằm tưởng nhớ và tỏ lòng biết ơn công lập nước của các vua Hùng, những vị vua đầu tiên của dân tộc.

Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương diễn ra vào ngày mồng 10/3 âm lịch hàng năm tại Đền Hùng, Việt Trì, Phú Thọ. Trước đó hàng tuần, lễ hội đã diễn ra với nhiều hoạt động văn hóa dân gian và kết thúc vào ngày 10/3 âm lịch với Lễ rước kiệu và dâng hương tại Đền Thượng.

Từ xa xưa, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương đã có vị thế đặc biệt trong tâm thức của người Việt. Bản ngọc phả viết thời Trần, năm 1470 đời vua Lê Thánh Tông và đời vua Lê Kính Tông năm 1601 sao chép đống dấu kiềm để tại Đền Hùng, nói rằng: “… Từ nhà Triệu, nhà Đinh, nhà Lê, nhà Lý, nhà Trần đến triều đại ta bây giờ là Hồng Đức Hậu Lê vẫn cùng hương khói trong ngôi đền ở làng Trung Nghĩa. Những ruộng đất sưu thuế từ xưa để lại dùng vào việc cúng tế vẫn không thay đổi”.

Như vậy, có thể hiểu từ thời hậu Lê trở về trước các triều đại đều quản lý Đền Hùng theo cách giao thẳng cho dân sở tại trông nom sửa chữa cúng bái, làm Giỗ Tổ ngày 10/3 âm lịch. Bù lại họ được miễn nộp thuế 500 mẫu ruộng, miễn đóng sưu, miễn đi phu đi lính.

Đến đời nhà Nguyễn vào năm Khải Định thứ 2 (1917), Tuần phủ Phú Thọ Lê Trung Ngọc đã trình bộ Lễ định ngày 10/3 âm lịch hàng năm làm ngày Quốc tế (Quốc lễ, Quốc giỗ). Điều này được tấm bia Hùng Vương từ khảo do Tham tri Bùi Ngọc Hoàn, Tuần phủ tỉnh Phú Thọ, lập năm Bảo Đại thứ 15 (1940) cũng đang đặt ở Đền Thượng trên núi Hùng, xác nhận: “Trước đây, ngày Quốc tế lấy vào mùa thu làm định kỳ. Đến năm Khải Định thứ hai (dương lịch là năm 1917), Tuần phủ Phú Thọ là Lê Trung Ngọc có công văn xin bộ Lễ ấn định ngày 10/3 hằng năm làm ngày Quốc lễ, tức trước ngày Giỗ Tổ Hùng Vương đời thứ 18 một ngày. Còn ngày giỗ (11/3) do dân sở tại làm lễ”. Kể từ đây, Giổ Tổ Hùng Vương ngày 10/3 âm lịch hàng năm được chính thức hóa bằng luật pháp.

Sau cách mạng tháng Tám (1945) Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm tới Đền Hùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đều đã về thăm viếng tại đây. Kế tục truyền thống cao đẹp của cha ông, nhất là đạo đức “uống nước nhớ nguồn”, ngay sau cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh của Chủ tịch nước số 22/SL-CTN ngày 18/2/1946 cho công chức nghỉ ngày 10/3 âm lịch hàng năm để tham gia tổ chức các hoạt động Giỗ Tổ Hùng Vương – hướng về cội nguồn dân tộc.

Trong ngày Giỗ Tổ năm Bính Tuất (1946) – năm đầu tiên của Chính phủ mới được thành lập, cụ Huỳnh Thúc Kháng – Quyền Chủ tịch nước đã dâng một tấm bản đồ Tổ quốc Việt Nam và một thanh gươm quý nhằm cáo với tổ tiên về đất nước bị xâm lăng và cầu mong tổ tiên phù hộ cho quốc thái dân an, thiên hạ thái bình cùng nhau đoàn kết, đánh tan giặc xâm lược, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã có hai lần về thăm Đền Hùng (19/9/1945 và 19/8/1962). Tại đây Người đã có câu nói bất hủ: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước – Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Người còn nhắc: “Phải chú ý bảo vệ, trồng thêm hoa, thêm cây cối để Đền Hùng ngày càng trang nghiêm và đẹp đẽ, thành công viên lịch sử cho con cháu sau này đến tham quan”.

Năm 1995, ngày Giỗ Tổ Hùng Vương đã được Ban Bí thư ghi trong thông báo là ngày lễ lớn trong năm. Ngành văn hóa thông tin – thể thao phối hợp với các ngành chức năng đã tổ chức lễ hội trong thời gian 10 ngày (từ ngày 1/3 đến ngày 10/3 âm lịch).

Tại nghị định số 82/2001/ NĐ-CP ngày 6/11/2001 về Nghi lễ Nhà nước, trong đó có nội dung quy định cụ thể về quy mô tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương, cụ thể như sau:

- “Năm chẵn” là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “0”; Bộ Văn hoá – Thông tin và Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức Lễ hội; mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể dự Lễ dâng hương.

-“Năm tròn” là số năm kỷ niệm có chữ số cuối cùng là “5”; Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức lễ hội; mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể dự Lễ dâng hương.

- “Năm lẻ” là số năm kỷ niệm có các chữ số cuối cùng còn lại. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ tổ chức lễ hội; mời lãnh đạo Bộ Văn hoá – Thông tin dự lễ dâng hương và tổ chức các hoạt động trong lễ hội.

Ngày 02/4/2007, Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Luật Lao động cho người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3 âm lịch). Kể từ đây, ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày lễ lớn – Quốc lễ mang ý nghĩa bản sắc văn hóa dân tộc.

Ngày 02/4/2007, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phê chuẩn sửa đổi, bổ sung Điều 73 của Bộ Luật Lao động cho người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (ngày 10/3 âm lịch). Kể từ đây, ngày 10/3 âm lịch hàng năm đã trở thành ngày lễ lớn 0 Quốc lễ mang ý nghĩa bản sắc văn hóa dân tộc

Trong hồ sơ đề trình UNESCO công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” là di sản văn hoá thế giới đã nêu rõ giá trị của di sản là thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên, theo tinh thần “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Theo đánh giá của các chuyên gia UNESCO, “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương” đã đáp ứng được tiêu chí quan trọng nhất trong 5 tiêu chí, đó là, di sản có giá trị nổi bật mang tính toàn cầu, khích lệ ý thức chung của mọi dân tộc trong việc thúc đẩy giá trị đó. Vì vậy, ngày 6/12/2012, UNESCO đã chính thức công nhận “Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ”, biểu tượng của tinh thần đại đoàn kết, truyền thống đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Giỗ Tổ Hùng Vương – Lễ hội Đền Hùng còn là dịp để giáo dục truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, lòng biết ơn sâu sắc các Vua Hùng đã có công dựng nước và các bậc tiền nhân kiên cường chống giặc ngoại xâm giữ nước, đồng thời còn là dịp quan trọng để chúng ta quảng bá ra thế giới về một Di sản vô cùng giá trị, độc đáo, đã tồn tại hàng nghìn năm, ăn sâu vào tâm hồn, tình cảm, trở thành đạo lý truyền thống của đồng bào cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài, là ngày để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta cùng nguyện một lòng mãi mãi khắc ghi lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước – Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***

**3. Kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng quần đảo Trường Sa**

**(29/4/1975 – 29/4/2024)**

***3.1. Giải phóng quần đảo Trường Sa***

Trường Sa là một quần đảo nằm ở phía nam Biển Đông với trên 100 đảo lớn nhỏ và bãi san hô ngầm. Trong số trên 100 đảo lớn nhỏ, vào thời kỳ cuối cuộc kháng chiến chống Mỹ chỉ có 11 đảo có người. 5/11 đảo do quân ngụy Sài Gòn đóng giữ, gồm: Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn và Trường Sa. Tổng số quân địch đóng trên 5 đảo này vào khoảng 160 tên.

Năm 1975, sau chiến thắng của chiến dịch Tây Nguyên, trong kế hoạch quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam bao gồm cả các đảo và quần đảo Trường Sa, Côn Đảo, Phú Quốc... Nhiệm vụ này được Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh giao cho Quân chủng Hải quân, Quân khu 5, Binh chủng Đặc công. Ngay sau chiến thắng Buôn Ma Thuột, theo đề xuất của Bộ Tổng Tham mưu, Quân ủy Trung ương trình Bộ Chính trị về việc giải phóng Trường Sa. Ngày 25/3/1975, kiến nghị này được ghi vào nghị quyết Bộ Chính trị. Ngày 30/3/1975, Quân ủy Trung ương "Điện" gửi các đồng chí Chu Huy Mân, Võ Chí Công, trong đó chỉ rõ: "Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Thường vụ giao cho Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 nhiệm vụ nghiên cứu, chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất, đánh chiếm các đảo hiện do quân ngụy miền Nam chiếm đóng thuộc quần đảo Trường Sa".

Để thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đang diễn ra mạnh mẽ, Bộ Tổng Tham mưu chỉ đạo Quân chủng Hải quân: "Dùng lực lượng hiện có, phối hợp với lực lượng của Quân khu 5 để đánh chiếm các đảo trên quần đảo Trường Sa do ngụy quyền đóng giữ để phối hợp với các hướng tiến công trên bộ trong giai đoạn tiến công trọng điểm vào Sài Gòn". Bộ Tổng Tham mưu nhấn mạnh: "Phải tranh thủ mọi thời cơ có lợi đánh chiếm quần đảo Trường Sa, một quần đảo giữ vị trí chiến lược về chính trị, quân sự và kinh tế, kiên quyết không để lực lượng nào khác vào đánh chiếm các đảo nước ta". Trước yêu cầu, nhiệm vụ hết sức khẩn trương, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân đã tập trung mọi nỗ lực, một mặt tổ chức lực lượng tham gia cùng các cánh quân tiến vào giải phóng Sài Gòn; mặt khác, khẩn trương chuẩn bị lực lượng phối hợp với Quân khu 5 tiến công giải phóng Trường Sa. Quyết tâm của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân là: "Bám sát tình hình, kiên quyết không để lực lượng khác lợi dụng sơ hở đến đánh chiếm các đảo của ta; giải phóng Song Tử Tây trước, sau đó giải phóng Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, Trường Sa Lớn...".

Lực lượng đánh chiếm quần đảo Trường Sa gồm Đội 1 - Đoàn 126 đặc công từng đánh chìm nhiều tàu địch ở Cửa Việt và một bộ phận hỏa lực thuộc Tiểu đoàn 471 - Quân khu 5 do đội trưởng Nguyễn Ngọc Quế chỉ huy. Các tàu vận tải 673, 674, 675 của Đoàn 125 từ Hải Phòng vào tiếp quản Đà Nẵng có nhiệm vụ chở lực lượng tiến công giải phóng Trường Sa. Những con tàu này đã từng qua lại khu vực quần đảo Trường Sa nên quen đường, có kinh nghiệm tránh đá ngầm. Thời cơ đánh chiếm đảo được xác định từ 0h đến 2h sáng, là lúc ta có thể lợi dụng yếu tố thủy văn để bí mật đổ quân lên đảo. Ngày 9/4/1975, mệnh lệnh tiến đánh Song Tử Tây được truyền xuống các đơn vị tham gia chiếm đảo. Đến sáng 14/4/1975, khi bình minh vừa lên cũng là lúc lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên đỉnh cột, trước bia chủ quyền ở Song Tử Tây.

Sau thắng lợi ở Song Tử Tây, ta để lại một bộ phận chốt giữ đảo, lực lượng còn lại quay về Đà Nẵng củng cố và chuẩn bị đánh tiếp các đảo khi có thời cơ. Trước những thuận lợi do diễn biến tình hình mang lại, Tiền phương Bộ Tư lệnh Hải quân ở Đà Nẵng họp bàn với Bộ Tư lệnh Quân khu 5 thống nhất kế hoạch đánh chiếm các đảo còn lại của quần đảo Trường Sa. Theo đó, ta sử dụng tàu 673 và 641 của Đoàn 125 chở phân đội 2 và 3 của Đội 1 (Đoàn 126) và một bộ phận lực lượng đặc công của Quân khu 5 đi giải phóng các đảo Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn; đánh đồng loạt các mục tiêu này trong cùng một đêm.

Rạng sáng 21/4/1975, các tàu nhổ neo hướng ra Trường Sa. 2h30 ngày 25/4/1975, trận đánh đảo Sơn Ca bắt đầu và kết thúc sau nửa giờ chiến đấu. Mất tiếp đảo Sơn Ca, địch ở quần đảo Trường Sa càng hoang mang. Về phía ta, sau khi giải phóng Sơn Ca, mục tiêu tiếp theo là giải phóng đảo Nam Yết. Theo lệnh của Quân chủng Hải quân, 1h30 ngày 27/4/1975, tàu 673 rời Sơn Ca hướng về Nam Yết. 10h30 cùng ngày, tàu ta vào gần tới đảo. Phát hiện lực lượng ta, các tàu địch vội vàng tháo chạy. Ta nhanh chóng đổ bộ chiếm lĩnh đảo. 11h30 ngày 27/4/1975, ta hoàn toàn làm chủ đảo Nam Yết. Đến thời điểm này, Nam Yết - nơi đặt Sở chỉ huy toàn bộ quần đảo Trường Sa bị mất, địch còn lại ở các đảo hoang mang cực độ, tìm mọi cách thoát thân. Sau khi chiếm đảo Nam Yết, tàu 673 tiếp tục đưa một bộ phận đi đánh đảo Sinh Tồn. 10h30 ngày 28/4/1975, ta hoàn toàn làm chủ đảo Sinh Tồn.

Phát huy khí thế tiến công thần tốc, táo bạo của quân dân ta trên các hướng chiến trường nói chung, ở vùng biển đảo nói riêng, 16h ngày 28/4/1975, bộ đội ta đi giải phóng đảo Trường Sa - đảo xa nhất nằm ở phía Nam của quần đảo. 9h ngày 29/4/1975, quân ta đổ bộ lên đảo và sau 30 phút đã làm chủ đảo Trường Sa. Như vậy, sau gần 20 ngày tổ chức chuẩn bị và chiến đấu, Quân chủng Hải quân đã phối hợp với một bộ phận lực lượng của Quân khu 5 giải phóng hoàn toàn quần đảo Trường Sa do quân đội Sài Gòn đóng giữ.

Chiến công giải phóng quần đảo Trường Sa của bộ đội hải quân đã thể hiện khát vọng thống nhất chủ quyền biển, đảo Tổ quốc; tinh thần chấp hành nghiêm mệnh lệnh, nắm chắc ý định của Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng; quyết tâm cao, chỉ huy quyết đoán, tổ chức sử dụng lực lượng gọn nhẹ, giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ, giải phóng đảo đúng thời cơ; bám sát sự chỉ đạo sáng suốt, kịp thời của cấp trên, nắm chắc thời cơ có lợi cho ta khi thế và lực quân ta mạnh, địch đang suy sụp nhanh chóng, giải phóng đảo trước khi giải phóng Sài Gòn.

***Nguồn: Báo Hà Nội mới***

***3.2. Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chủ quyền biển, đảo***

Việt Nam là quốc gia ven biển, có bờ biển dài trên 3.260 km trải dài từ Bắc xuống Nam, với gần 3000 hòn đảo lớn nhỏ và 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong 63 tỉnh, thành phố của cả nước thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ lâu đã là lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta hoàn toàn có đầy đủ căn cứ khoa học một cách vững chắc cả về lịch sử và pháp lý phù hợp với luật pháp và tập quán quốc tế. Nhà nước Việt Nam từ lâu đã chiếm hữu thật sự quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi hai quần đảo chưa thuộc chủ quyền của bất cứ quốc gia nào và liên tục thực hiện chủ quyền thực sự của mình đối với hai quần đảo này. Thời vua Lê Thánh Tông đã cho vẽ bản đồ mang tên “Hồng Đức bản đồ”. Đến những năm đầu thế kỷ XVII một nho sinh tên là Đỗ Bá đã vẽ bản đồ này với tên gọi thân thương là Bãi Cát Vàng. Khi nói đến Hoàng Sa, Trường Sa chúng ta càng tự hào khi thấy bản đồ mà Phan Huy Chú đã vẽ năm 1834 (triều vua Minh Mạng) khẳng định rõ ràng Hoàng Sa, Trường Sa, Bãi Cát Vàng đó thuộc về Việt Nam.

  Lịch sử trải dài mấy trăm năm, không chỉ xác lập chủ quyền bằng những đội hùng binh ấy mà đến đầu thế kỷ XX, trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã có thêm nhiều hoạt động về khoa học kỹ thuật như: khảo sát xây dựng hải đăng, lập trạm vô tuyến, đặt trạm khí tượng thủy văn cung cấp số liệu quan trắc cảnh báo thời tiết cho khu vực và tổ chức Khí tượng thế giới,….

          Giai đoạn đất nước bị chia cắt thành hai miền, phần lãnh thổ đảo Hoàng Sa, Trường Sa vẫn thuộc chính quyền Cộng hòa miền Nam Việt Nam quản lý. Năm 1961 Nha khí tượng đã có những quyết định cử những người có trách nhiệm ra đảo để làm nhiệm vụ. Những văn bản cứ tiếp nối như vậy để chúng ta thấy được rằng bằng chứng của chúng ta về chủ quyền đối với Hoàng Sa và Trường Sa rất rõ ràng, xác thực, sự quản lý đó có tính chất Nhà nước.

     Trải qua những biến thiên của lịch sử, năm 1975: Bộ Tư lệnh Hải quân nhân dân Việt Nam vinh dự nhận nhiệm vụ hành quân, tiến công và ra tiếp quản các đảo, quần đảo. Ngày 14/4/1975 đảo Song Tử Tây được giải phóng, tiếp theo là các đảo Sơn Ca (25/4), Nam Yết (27/4) và đảo Trường Sa (28/4). Sáng ngày 29/4 thêm 6 đảo thuộc quần đảo Trường Sa được giải phóng. Các đơn vị hải quân đã sẵn sàng chiến đấu bảo vệ đảo.

Sau khi đất nước thống nhất, với tư cách kế thừa quyền sở hữu các quần đảo từ các chính quyền trước, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có trách nhiệm duy trì việc bảo vệ chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và đã ban hành nhiều văn bản pháp lý quan trọng liên quan trực tiếp đến hai quần đảo này. Trong đó, có Luật Biên giới quốc gia năm 2003, Tuyên bố của Chính phủ ngày 12/11/1977 về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam,Tuyên bố của Chính phủ ngày 12/11/1982 về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam đều khẳng định hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một bộ phận lãnh thổ của Việt Nam. Trong các năm 1979, 1981 và 1988, Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã 3 lần công bố Sách trắng về 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

Trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, biển đảo luôn gắn với quá trình xây dựng và phát triển của đất nước và con người Việt Nam, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng. Vì vậy Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển, đảo.

          Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến những kiến thức cơ bản và các văn bản pháp luật về biển đảo của Nhà nước ta và luật biển quốc tế, những cơ sở pháp lý khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với các quần đảo trên biển đông, những văn bản pháp lý về biển, đảo Việt Nam đã ký kết với các nước láng giềng, các nước có liên quan. Tuyên truyền giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ, giữ gìn chủ quyền biển, đảo, giữ gìn môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển giữa các quốc gia có biển, đã góp phần làm cho nhận thức của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ hiểu rõ về vị trí chiến lược của biển, đảo từng bước được nâng cao.

          Để tiếp tục phát huy các tiềm năng của biển, đảo nước ta trong thế kỷ XXI, Hội nghị lần thứ tư ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã thông qua Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 “Về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” trong đó nhấn mạnh “Thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương”.  Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW; Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 137/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007 phê duyệt đề án tổ chức thông tin phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên biển; Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 phê duyệt đề án đảm bảo mạng lưới thông tin biển, đảo; Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2010 phê duyệt đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam.

Thực hiện các Quyết định của Chính phủ về chiến lược biển, đảo cùng với sự nỗ lực của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân nên trong những năm qua, nước ta đã đạt được những kết quả quan trọng như: Kinh tế biển, ven biển được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên biển kết hợp phát triển lâm nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, xuất khẩu thuỷ sản gắn phát triển nuôi trồng với nâng cao hiệu quả khai thác đánh bắt, tăng nhanh các ngành dịch vụ, du lịch, kết hợp phát triển kinh tế biển bền vững với đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biển, xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo thế đứng chân ổn định, vững chắc sẵn sàng đối phó với các tình huống phức tạp xảy ra trên biển, xây dựng hệ thống nhà ở, tường, kè chống xói lở trên các đảo thuộc quần đảo.

Thế hệ trẻ chúng ta được may mắn sinh ra khi đất nước bình yên, sạch bóng quân thù, được tự hào về những trang sử vang với quá khứ hào hùng, bi tráng, được hưởng một niềm ưu ái. Chúng ta được lắng nghe lời non sông vọng về qua những trang sách:  “*Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời. Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, cong hình chữ S, chạy từ thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) ở phía Bắc đến thị xã Hà Tiên (Kiên Giang) ở phía Tây Nam… Nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là các đảo ven bờ và có hai quần đảo ở ngoài khơi xa trên biển Đông là quần đảo Hoàng Sa (thuộc thành phố Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Khánh Hòa). Theo quan niệm mới về chủ quyền quốc gia thì vùng biển Việt Nam có diện tích khoảng 1 triệu km2 ở biển Đông. Biển Đông đối với nước ta là một hướng chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước. Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới, khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo, thềm lục địa. Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo”.* *(****trích SGK Địa lý lớp 12****).*

Biển đảo là một phần máu thịt của Tổ quốc, vì vậy có muôn vàn trái tim ngày đêm hướng về biển đảo, dành tình yêu cho những người lính biển cùng các chiến sĩ, các lực lượng ngày đêm bảo vệ chủ quyền biển đảo nước nhà. Người dân Việt Nam đều hướng về biển bằng một tình yêu chung thủy. Đó là niềm tự hào, say mê trước vẻ đẹp của những bãi cát dài, làn sóng biếc, vịnh đảo nên thơ.

Lịch sử dân tộc đã ghi nhận trong 14 cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù đối với nước ta, thì có 10 cuộc bắt đầu từ hướng biển. Như vậy có tới 2/3 các cuộc chiến tranh, kẻ thù đã sử dụng đường biển để tấn công xâm lược nước ta và đã bị vùi thây tại những tuyến phòng thủ này. Bước sang thế kỷ 21, “*Thế kỷ của biển và đại dương”*, các nguồn tài nguyên trên đất liền đang ngày càng cạn kiệt, vì thế các quốc gia ngày càng quan tâm tới nguồn tài nguyên từ biển cả, nơi bắt đầu các mưu đồ đe dọa hòa bình: Trường Sa – Hoàng Sa giờ đây là tâm điểm. *“Việt Nam có đủ căn cứ pháp lý và lịch sử khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta làm chủ thực sự, ít nhất từ thế kỷ 17 khi hai quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta đã làm chủ trên thực tế và liên tục hòa bình”* ***(Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng)***.

Mỗi người thể hiện tình yêu nước, yêu biển đảo khác nhau nhưng với tất cả đều thể hiện tình cảm mãnh liệt ấy bằng nhiệt huyết của trái tim và lòng nhân ái. Mỗi công dân Việt Nam hãy yêu nước bằng một trái tim nóng, cái đầu lạnh và những hành động thực tiễn góp phần bảo vệ biển đảo như: Học tập nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt, hiểu biết sâu sắc về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc để tìm ra phương thức bảo vệ chủ quyền một cách hữu hiệu. Xây dựng, củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lập tự cường, nâng cao ý thức bảo vệ tổ quốc. Tích cực học tập kiến thức quốc phòng, an ninh, sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ quốc phòng. Tích cực tham gia các phong trào của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phong trào mùa hè xanh, phong trào thanh niên tình nguyện hướng đến vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo.

Có thể còn những âu lo, còn những khó khăn, thách thức nhưng tình yêu, niềm tự hào và nỗi lo sẽ hóa sức mạnh khi mỗi người chúng ta sẵn sàng hành động với những việc làm thiết thực xuất phát từ tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc và quyết tâm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ đất nước. Tất cả chúng ta hãy cùng bắt đầu hành trình vì biển đảo quê hương ngay từ hôm nay.

***Ban Tổ chức - Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***

**4. Kỷ niệm 49 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2024)**

***4.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước***

Trên thế giới, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc Mỹ có tiềm lực rất mạnh, nổi lên cầm đầu phe đế quốc, hiếu chiến và âm mưu bá chủ thế giới, từng bước khẳng định sự có mặt ở Đông Dương. Sau thất bại của thực dân Pháp ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ sụp đổ, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Lúc này trên thế giới đã phân chia thành hai hệ thống đối đầu gay gắt bằng cuộc "chiến tranh lạnh" và chạy đua vũ trang quyết liệt. Hệ thống chủ nghĩa xã hội (XHCN), phong trào công nhân ở các nước tư bản, phong trào giải phóng dân tộc ở khắp nơi trên thế giới dâng cao.

Trong nước, sau chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam vẫn dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân tộc ta.

***4.2. Những bước phát triển của cuộc kháng chiến***

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta trải qua gần 21 năm, là cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ và nhiều thách thức, ác liệt. Đảng và nhân dân ta phải đấu trí và đấu sức chống tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất trong phe đế quốc. Cuộc kháng chiến này đã trải qua nhiều giai đoạn, phải đối phó lần lượt với các kế hoạch, chiến lược của đế quốc Mỹ.

*a. Giai đoạn từ tháng 7/1954 đến hết năm 1960*

Đấu tranh giữ gìn lực lượng, chuyển dần sang thế tiến công, làm thất bại bước đầu phương thức chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ. Những chiến thắng oanh liệt trong kháng chiến chống thực dân Pháp mà đỉnh cao là Chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 đã buộc thực dân Pháp và can thiệp Mỹ phải ký Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Campuchia và Lào. Nhưng với những mưu đồ đã dự tính từ trước, đế quốc Mỹ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, hất cẳng Pháp, gạt bỏ những thế lực tay sai của Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện chính sách thực dân mới, mưu đồ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chính quyền Mỹ - Diệm tập trung thực hiện biện pháp "tố cộng", "diệt cộng"  đàn áp, khủng bố phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam, ban hành Luật 10/59 "đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật", biến cả miền Nam thành nơi tràn ngập nhà tù, trại giam, trại tập trung. Cách mạng miền Nam bị dìm trong biển máu.

Đứng trước tình thế mới, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo quân và dân cả nước thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược: Một là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ vững mạnh của cách mạng cả nước. Hai là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam nhằm giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện thống nhất nước nhà. Thực hiện nhiệm vụ trên, miền Bắc tích cực triển khai những công việc bộn bề sau chiến tranh, nhanh chóng tổ chức cuộc sống mới. Trong ba năm (1958-1960), chúng ta đã hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo XHCN, căn bản xoá bỏ chế độ bóc lột, bước đầu xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), chuẩn bị một số nội dung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới. Ở miền Nam, cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khó khăn, ác liệt, nhưng đại bộ phận nhân dân vẫn một lòng theo Đảng, bất khuất chống áp bức, khủng bố, bảo vệ lực lượng cách mạng. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, xác định rõ mục tiêu, phương pháp cách mạng miền Nam, mối quan hệ chiến lược của cách mạng hai miền, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới; phản ánh đúng nhu cầu của lịch sử, giải quyết kịp thời yêu cầu phát triển của cách mạng miền Nam; định hướng và động viên nhân dân miền Nam vùng lên đấu tranh, tạo ra phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), xoay chuyển tình thế cách mạng miền Nam, làm tan rã hàng loạt bộ máy của ngụy quyền ở các thôn, xã.

*b. Giai đoạn từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965: Giữ vững và phát triển thế tiến công, đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ*

Từ cuối năm 1960, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" đối phó với cách mạng miền Nam. Đó là chiến lược dùng quân đội ngụy tay sai làm công cụ tiến hành chiến tranh, càn quét, dồn dân vào ấp chiến lược, đưa 10 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam chuyển sang giai đoạn mới, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng, kết hợp song song cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, đánh địch bằng cả ba mũi giáp công, trên cả ba vùng chiến lược, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ và tay sai. Trên miền Bắc, các mặt trận kinh tế, văn hóa, an ninh quốc phòng đều có bước phát triển mới. Quân và dân miền Bắc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu và chi viện cho miền Nam.

*c. Giai đoạn từ giữa năm 1965 đến hết năm 1968*

Đảng phát động toàn dân chống Mỹ cứu nước, đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đánh thắng cuộc phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ nhất ở miền Bắc.

Trước nguy cơ phá sản của "Chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ", sử dụng quân đội Mỹ là lực lượng cơ động chủ yếu tiêu diệt bộ đội chủ lực ta; dùng ngụy quân, ngụy quyền để bình định, kìm kẹp nhân dân, âm mưu đánh bại cách mạng miền Nam trong vòng 25 đến 30 tháng (từ giữa 1965 đến hết 1967), đẩy mạnh chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta đã đánh thắng quân xâm lược Mỹ ngay từ những trận đầu khi chúng vừa đổ bộ vào. Tiếp theo những trận thắng oanh liệt ở Núi Thành, Vạn Tường, Plâyme, Đất Cuốc, Bầu Bàng, ta lại đánh bại ba cuộc hành quân lớn của Mỹ vào miền Đông Nam Bộ, đánh thắng lớn ở các chiến trường Tây Nguyên, miền Tây khu V, Đường 9, đồng bằng Nam Bộ và các mục tiêu chủ yếu của địch ở các thành phố lớn. Quân dân miền Bắc tiếp tục đánh trả cuộc tiến công của Mỹ bằng không quân và hải quân, giành những thắng lợi lớn trên nhiều mặt, bảo đảm giao thông thông suốt, chi viện sức người, sức của ngày càng lớn cho miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Hội nghị Pari, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta bước vào giai đoạn mới.

*d. Giai đoạn từ năm 1969 đến năm 1973*

 Phát huy sức mạnh liên minh chiến đấu Việt Nam với Lào, Campuchia, làm thất bại một bước chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân lần thứ hai ở miền Bắc, tạo thế mạnh trong đàm phán.

Đế quốc Mỹ thi hành chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", từng bước mở rộng chiến tranh sang Campuchia, Lào. Thủ đoạn xảo quyệt của Mỹ là thực hiện chiến tranh hủy diệt và chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt để làm suy yếu cuộc kháng chiến của nhân dân ta trên cả hai miền Nam - Bắc. Quân và dân ta phối hợp với quân, dân hai nước Lào, Campuchia đánh bại một bước quan trọng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Những thắng lợi của chiến tranh cách mạng ba nước Đông Dương trong hai năm 1970-1971 đã tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Nhờ chuẩn bị tốt lực lượng, nhằm đúng thời cơ, quân và dân ta đã liên tiếp giành thắng lợi lớn trên chiến trường, nhất là cuộc tiến công chiến lược năm 1972 và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai ở miền Bắc, nổi bật là đánh thắng cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ, làm thay đổi cục diện chiến trường, cục diện chiến tranh. Trong đàm phán, chúng ta cũng khôn khéo tiến công địch, phối hợp chặt chẽ giữa "đánh và đàm", buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu ra khỏi miền Nam. So sánh lực lượng thay đổi hẳn, có lợi cho ta, tạo điều kiện cơ bản nhất để ta giành thắng lợi cuối cùng.

*đ. Giai đoạn từ cuối năm 1973 đến ngày 30/4/1975:*

Tạo thế và lực, tạo thời cơ, kiên quyết tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi ký Hiệp định Pari, mặc dù buộc phải rút hết quân nhưng đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu dùng ngụy quân, ngụy quyền làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Mỹ tăng cường tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh cho ngụy lấn đất, giành dân, khống chế nhân dân, thực hiện các hoạt động ngoại giao xảo quyệt để ngăn chặn sự phát triển của cách mạng miền Nam. Đến tháng 5/1973, xu thế chống phá Hiệp định Pari của địch ngày càng tăng. Chúng điên cuồng đánh phá hòng xóa bỏ vùng giải phóng của ta, đẩy lùi lực lượng cách mạng.

Tháng 7/1973, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 đã khẳng định con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực và đề ra các nhiệm vụ lớn cho hai miền Nam - Bắc. Nửa cuối năm 1974, cuộc chiến tranh của quân và dân ta ở miền Nam chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đã giành được thắng lợi. Ta ngày càng mạnh lên, ngụy ngày càng suy yếu rõ rệt. Nước Mỹ lâm vào khủng hoảng nội bộ. Tháng 7/1974, Đảng ta chỉ đạo Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam xây dựng kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, nếu thời cơ đến sẽ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thắng lợi toàn miền, nhất là của miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là chiến thắng Phước Long cuối năm 1974 - đầu năm 1975 càng cho thấy thực tế suy yếu của quân ngụy Sài Gòn và khả năng Mỹ khó quay lại Việt Nam. Đảng ta nhận định thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bắt đầu từ ngày 4/3 bằng ba đòn chiến lược: Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng trận đột phá đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng Tây Nguyên; Chiến dịch giải phóng Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định kết thúc vào ngày 30/4. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo về chính trị và quân sự, quân và dân ta đã giành được toàn thắng, kết thúc 21 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

***4.3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến***

Kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhân dân ta đã đánh thắng kẻ thù lớn mạnh và hung hãn nhất của loài người tiến bộ trong thế kỷ 20, giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc Việt Nam yêu quý, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị kéo dài 115 năm của chủ nghĩa thực dân trên  đất nước ta. Nhân dân ta gạt bỏ được trở ngại lớn nhất trong công cuộc hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất đất nước, tiến lên CNXH. Do đó, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mang nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Đối với nhân dân ta:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu bước ngoặt  rất cơ bản, quyết định của con  đường cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch ra từ trong Chính cương vắn tắt năm 1930 - Con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tự do, ấm no, hạnh phúc.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kế tục thắng lợi Cách mạng tháng 8/1945, phát huy thắng lợi  của cuộc kháng chiến  chống thực dân Pháp (1945-1954), là trận đánh quyết định nhất  của cuộc  chiến đấu 30 năm (1945-1975) gian khổ, ác liệt, giành lại và giữ vững nền độc lập tự do, thống nhất Tổ quốc. Từ đây, cả dân tộc ta tiến vào kỷ  nguyên mới: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đẩy lùi nghèo nàn, lạc hậu, tạo lập cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng, dân chủ, văn minh.

- Qua cuộc chiến đấu và chiến thắng, Đảng ta, nhân dân ta, quân đội ta, cả dân tộc ta và mỗi người Việt Nam được rèn luyện cả về phẩm chất và tài năng, càng nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn vị trí, khả năng và sức mạnh của mình trong thời đại mới.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã nâng vị thế chính trị của Việt Nam trên thế giới lên một tầm cao mới và là niềm tự hào của mỗi người dân trong thế kỷ XX và mai sau.

Đối với thế giới:

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là một thắng lợi tiêu biểu của lực lượng cách mạng thế giới, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì độc lập, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đập tan cuộc phản công lớn nhất, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ 2, của chủ nghĩa đế quốc vào trào lưu cách mạng của thời đại mà mũi nhọn là phong trào giải phóng dân tộc, mở  đầu sự phá sản của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên toàn thế giới.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước làm sáng tỏ tính hiện thực, tính phổ biến của xu thế phát triển của loài người tiến bộ, góp phần động viên cổ vũ các dân tộc dũng cảm, kiên cường giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, thực hiện công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người và trực tiếp góp phần to lớn vào công cuộc giải phóng dân tộc của nhân dân hai nước láng giềng Lào và Campuchia anh em.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là biểu tượng mới về sức mạnh của cách mạng thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, làm tiêu tan huyền thoại về sức mạnh của đế quốc Mỹ.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã nêu bật một chân lý: Trong thời đại ngày nay, một dân tộc nước không rộng, người không đông, kinh tế kém phát triển, song dân tộc ta đã đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một đảng mác xít-lêninít, có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực xâm lược.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh Đoàn tổng hợp***